

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 02 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Ưc Trai
- Ông Nguyễn Văn Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giàng Thị H, năm sinh 1992

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Thôn I, E, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lùng Văn M, năm sinh 1991

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2023; bản tự khai ngày 17 tháng 10 năm 2023; đơn đề nghị thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giàng Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị H và anh Lùng Văn M tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9/2010, không đăng ký kết hôn, có tổ

chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến ngày 16/02/2011 anh chị mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Mẫn thường xuyên uống rượu, mỗi lần anh uống rượu say mà chị nói thì anh Mẫn lại đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Vào cuối năm 2022, đầu năm 2023, vợ chồng chị cùng đi làm thuê ở tỉnh Bắc Ninh; tại Bắc Ninh anh Mẫn cũng thường xuyên đánh chị. Sau dịp nghỉ lễ 30/4/2023, vợ chồng chị không đi làm thuê nữa mà về nhà ở, về nhà được hai tuần thì anh Mẫn lại tiếp tục đánh chị không rõ lý do. Đến đầu tháng 7/2023, do không chịu đựng được việc anh Mẫn đánh nên chị đã đi Bắc Ninh làm thuê, chị Hối làm thuê được 20 ngày thì anh Mẫn gọi điện dọa sẽ xuống Bắc Ninh đánh chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn I, E, huyện B, tỉnh Lào Cai sinh sống từ tháng 7/2023 đến nay. Từ tháng 7/2023 đến nay, vợ chồng chị sống ly thân, không quan tâm tình cảm gì đến nhau nữa. Nay chị Hối nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể khắc phục được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lùng Văn M.

- Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị Giàng Thị H và anh Lùng Văn M có hai người con chung là cháu Lùng Văn T, sinh ngày 29/12/2011 và cháu Lùng Văn A, sinh ngày 24/10/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh Lùng Văn M. Nay chị Giàng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Lùng Văn M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung là cháu Lùng Văn T, sinh ngày 29/12/2011 và cháu Lùng Văn A, sinh ngày 24/10/2014 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản: Chị Giàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Đối với bị đơn anh Lùng Văn M: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Mẫn nhưng anh Mẫn không có văn bản trả lời ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của chị Hối; mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Mẫn đều vắng mặt tại Tòa án không có lý do. Tuy nhiên, trong thời gian Tòa án hoãn phiên tòa vào ngày 07/02/2024, anh Mẫn và chị Hối đã đến Tòa án nói chuyện và tự hoà giải với nhau về việc giải quyết vụ án, anh Mẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi con và ăn tết Nguyên đán năm 2024 nhưng chị Hối không đồng ý, vì vậy anh chị tự hoà giải không thành. Trình bày ý kiến với Tòa án thì anh Mẫn không nhất trí ly hôn với chị Hối vì anh muốn các con của anh có đầy đủ cả bố mẹ. Trường hợp chị Hối cương quyết ly hôn với anh thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung, anh Mẫn không yêu cầu chị Hối phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. Ý kiến của con chưa thành niên: Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 27/12/2023, cháu Lùng Văn T và cháu Lùng Văn A đều có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với bố để bố trực tiếp nuôi dưỡng các cháu.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Hối đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý đúng quy định các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203, 233. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Giàng Thị H được ly hôn với anh Lùng Văn M.

- Về con chung: Giao hai cháu Lùng Văn T, sinh ngày 29/12/2011 và Lùng Văn A, sinh ngày 24/10/2014 cho anh Lùng Văn M trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Giàng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Lùng Văn M có địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng

mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị H và anh Lùng Văn M là hợp pháp. Chị Giàng Thị H và anh Lùng Văn M tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9/2010, không đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến ngày 16/02/2011 anh chị mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022, đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do quá trình cùng đi làm thuê thì vợ chồng xảy ra bất đồng trong cuộc sống nên dẫn đến cãi chửi nhau, đánh nhau cuộc sống chung không hạnh phúc. Thực tế từ tháng 7/2023 đến nay, anh chị đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được chính quyền thôn, gia đình hai bên phân tích, hoà giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng không thể về đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được chính quyền địa phương xác nhận. Nay chị Hối nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể khắc phục được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mẫn. Đối với anh Mẫn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Mẫn không có văn bản trả lời ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của chị Hối; mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Mẫn đều vắng mặt tại Tòa án không có lý do, điều đó thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc của anh Mẫn trước quan hệ hôn nhân của anh chị; trình bày ý kiến với Tòa án ngày 07/02/2024, anh Mẫn không nhất trí ly hôn với chị Hối, mong muốn vợ chồng đoàn tụ chỉ vì anh muốn các con của anh có đầy đủ cả bố mẹ. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Hối và anh Mẫn đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc chị Hối yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mẫn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị Giàng Thị H và anh Lùng Văn M có hai người con chung là Lùng Văn T, sinh ngày 29/12/2011 và cháu Lùng Văn A, sinh ngày 24/10/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh Mẫn, các cháu khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Chị Hối và anh Mẫn đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Mẫn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Lùng Văn T và cháu Lùng Văn A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, anh Mẫn là lao động tự do, công việc chính là đi làm thuê thu nhập một tháng được 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng); chị Hối hiện đang sinh sống cùng cha mẹ để làm ruộng nương, mức thu nhập chỉ đảm bảo cuộc sống tối thiểu hàng ngày; tại địa phương mức nuôi dưỡng cháu Lùng Văn T và cháu Lùng Văn A là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng/ 1 cháu; cả hai cháu đều học bán trú, được hưởng chế độ chính sách của Nhà nước về tiền ăn học và chỗ ở bán trú. Cháu Lùng Văn T và cháu Lùng Văn A đều có nguyện vọng ở cùng với anh Lùng Văn M. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Lùng Văn T,

sinh ngày 29/12/2011 và cháu Lùng Văn A, sinh ngày 24/10/2014 cho anh Lùng Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Giàng Thị H và anh Lùng Văn M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Giàng Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giàng Thị H và anh Lùng Văn M. Quan hệ hôn nhân của chị Giàng Thị H và anh Lùng Văn M được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Lùng Văn T, sinh ngày 29/12/2011 và cháu Lùng Văn A, sinh ngày 24/10/2014 cho anh Lùng Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Giàng Thị H phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002266 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị Giàng Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã N,
huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Úc Trai

Nguyễn Văn Thịnh

Sầm Thị Tươi

